

MỤC LỤC

Trang

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	3
Điều 1. Giải thích một số từ ngữ trong Điều lệ.....	3
Điều 2. Hình thức và tư cách pháp lý.....	4
Điều 3. Tên Công ty.....	4
Điều 4. Trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện.....	4
Điều 5. Mục tiêu, lĩnh vực, địa bàn kinh doanh và thời hạn hoạt động.....	5
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật.....	7
Điều 7. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác.....	7
CHƯƠNG II: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 8. Quyền hạn của Công ty.....	7
Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty.....	8
CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU.....	8
Điều 10. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn Điều lệ.....	8
Điều 11. Thay đổi vốn Điều lệ.....	9
Điều 12. Cổ phần.....	9
Điều 13. Cổ phiếu.....	10
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông.....	10
Điều 15. Chào bán cổ phần.....	10
Điều 16. Bán cổ phần.....	12
Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần.....	13
Điều 18. Phát hành trái phiếu và mua cổ phiếu, trái phiếu.....	13
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	14
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	14
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại.....	15
Điều 22. Trả cổ tức.....	15
Điều 23. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.....	16
Điều 24. Cổ đông.....	16
Điều 25. Quyền của cổ đông phổ thông.....	18
Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	19
CHƯƠNG IV : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	19
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	19
Điều 28. Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 29. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 31. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 33. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 35. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 36. Hình thức thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 37. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua.....	26
Điều 38. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 41. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 42. Hội đồng quản trị.....	28
Điều 43. Nhiệm kỳ và số thành viên Hội đồng quản trị.....	30

Điều 44. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 46. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 47. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 49. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	34
Điều 50. Ban kiểm soát.....	34
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Ban kiểm soát.....	35
Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	35
Điều 54. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.....	37
Điều 55. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	37
Điều 56. Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty.....	38
Điều 57. Bộ máy điều hành Công ty.....	39
Điều 58. Từ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty.....	40
Điều 59. Ủy nhiệm, ủy quyền.....	40
Điều 60. Công khai thông tin về Công ty cổ phần.....	40
Điều 61. Công khai thông tin các lợi ích liên quan của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý.....	41
CHƯƠNG V: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, QUỸ DỰ TRỮ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	41
Điều 62. Năm tài chính, hệ thống kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.....	41
Điều 63. Trích lập quỹ và phân chia lợi nhuận.....	41
CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ PHÁ SẢN.....	42
Điều 64. Tổ chức lại.....	42
Điều 65. Giải thể.....	42
Điều 66. Giải quyết tranh chấp.....	43
Điều 67. Phá sản.....	43
CHƯƠNG VII : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	43
Điều 68. Con dấu.....	43
Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	43
Điều 70. Hiệu lực của Điều lệ.....	44

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....*.....

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Long Phú đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thành lập ngày 25/12/2006 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất vào ngày 12/11/2008; sửa đổi, bổ sung lần thứ hai vào ngày 31/8/2009; sửa đổi, bổ sung lần thứ ba vào ngày 8/6/2012; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư vào ngày 15/03/2014,

Chúng tôi gồm những cổ đông của Công ty cổ phần Du lịch Long Phú cùng thống nhất sửa đổi, bổ sung và cam kết thực hiện Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Long Phú với những điều khoản như sau:

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Giải thích một số từ ngữ trong Điều lệ

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a.** Công ty: Công ty cổ phần Du lịch Long Phú
- b.** Điều lệ/Điều lệ này: Là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Long Phú.
- c.** "Cổ phần": Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần.
- d.** " Cổ phiếu ”: Là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- e.** “ Nhóm cổ đông”: Cổ đông của Công ty có thể tự thỏa thuận với nhau để hợp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông.
- f.** “Những người quản lý Công ty”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty, Phó giám đốc Công ty/Phó Tổng giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế, quy định khác của Công ty.
- g.**"Luật Doanh nghiệp": Luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 được Quốc hội thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014.

h. ” pháp luật”: Tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.

1.2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản, quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

1.3. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) được áp dụng trong Điều lệ này.

Điều 2. Hình thức và tư cách pháp lý

2.1. Hình thức pháp lý

Công ty cổ phần Du lịch Long Phú là Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần; được tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.2. Tư cách pháp lý

Công ty cổ phần Du lịch Long Phú là Công ty:

- Thuộc sở hữu của các cổ đông;
- Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, độc lập về tài chính, có tài khoản riêng được mở tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Có Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định;
- Có vốn Điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn trong phạm vi vốn Điều lệ;
- Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty;
- Có bảng cân đối kế toán riêng, có tài sản riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, có quyền tự quyết định một cách độc lập trong quá trình hoạt động của Công ty.

Điều 3. Tên công ty

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: LONG PHU TOURIST JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : **LPC**
- Tên và biểu tượng của Công ty được đăng ký khi thành lập và là tài sản thuộc sở hữu của Công ty trong quá trình hoạt động.

Điều 4. Trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện

4.1. Trụ sở chính: Đá Chông, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại : 058.839433
- Fax : 058.839018
- Email: longphutc@longphutourist.com

4.2. Chi nhánh, văn phòng đại diện :

a. Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Long Phú tại Phú Yên

- Địa chỉ : 80 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: 0573.818.360
- Fax: 0573.818.361
- Email: chinhanhphuyen@longphutourist.com

b. Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Du lịch Long Phú tại Đắk Lắk

- Đ/c: 313 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: 0500.3950.169
- Fax: 0500.3950.168
- Email: chinhanhdaklak@longphutourist.com

Việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo thủ tục theo luật định và thông báo cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Mục tiêu, lĩnh vực, địa bàn kinh doanh và thời hạn hoạt động

5.1. Mục tiêu

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong tổ chức và phát triển các hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa hóa giá trị cho các cổ đông; Tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

5.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển. Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí. Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí.

Kinh doanh karaoke. Dịch vụ lặn biển

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Khai thác gỗ
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác

- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi

Chi tiết: Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Đào tạo về phong cách sống trong môi trường quân đội

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí

Chi tiết: Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các Công ty, ban nhạc, dàn nhạc.

- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ
- Chăn nuôi khác

Chi tiết: Chăn nuôi khí và động vật rừng

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia, đồ uống không có cồn
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu
 - Vận tải hành khách đường bộ khác
 - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
- Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Chi tiết: Đại lý bán vé tàu, vé xe, vé máy bay
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
 - Cơ sở lưu trú khác
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
 - Dịch vụ ăn uống khác
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quây bar)
 - Hoạt động nhiếp ảnh
 - Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí
 - Đại lý du lịch
 - Điều hành tour du lịch
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Dịch vụ thu tiền đỗ xe
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
 - Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu

b. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, căn cứ nhu cầu thị trường trong nước, nước ngoài và khả năng của Công ty, Công ty được quyền tổ chức hoạt động kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm sau khi đã đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền, với bất kỳ hình thức nào có lợi nhất cho Công ty theo quy định của pháp luật.

5.3. Thời hạn hoạt động

Công ty bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chỉ chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc giải thể, phá sản Công ty được quy định tại Chương VI của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

5.4. Địa bàn hoạt động

Công ty hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ này.

Điều 7. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác

7.1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

7.2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 8. Quyền hạn của Công ty

- Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.
- Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- Tuyển dụng, thuê, đào tạo, sử dụng lao động hoặc cho thuê việc theo yêu cầu kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.
- Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
- Khởi kiện, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật các hành vi xâm phạm tới quyền và lợi ích của Công ty.
- Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty

- Kinh doanh đúng các ngành, nghề đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
- Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
- Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
- Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
- Thực hiện chế độ thông kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
- Tuân thủ qui định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 10. Vốn Điều lệ và cơ cấu vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty do cổ đông của Công ty tự nguyện đóng góp dưới hình thức mua cổ phần, có thể bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ hoặc bằng tài sản hữu hình hoặc bằng những giá trị tài sản vô hình do người góp và Công ty thỏa thuận theo quy định của pháp luật, được hạch toán và quy đổi theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

10.1. Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ Công ty hiện nay là: 24.795.770.000 đồng (Hai mươi bốn tỉ bảy trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng); được chia thành: 2.479.577 (Hai triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm bảy mươi bảy) cổ phần; mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng).

10.2. Cơ cấu vốn Điều lệ

- Cổ đông nhà nước: góp 52,4966% vốn Điều lệ tương ứng với 1.301.696 cổ phần.
- Cổ đông khác: góp 47,5034% vốn Điều lệ, tương ứng với 1.177.881 cổ phần.

10.3. Sử dụng Điều lệ

Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động :

- Đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị, mở rộng qui mô hoạt động của Công ty.
- Phát triển kỹ thuật, công nghệ để nâng do chất lượng sản phẩm sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Cung cấp vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh.
- Mua cổ phần, trái phiếu, góp vốn, liên doanh, ... khi xét thấy cần phải đầu tư vì lợi ích của Công ty.
- Các dự trữ cần thiết về bất động sản.

Điều 11. Thay đổi vốn Điều lệ

Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.
- c. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 12. Cổ phần

- 12.1.** Tại thời điểm thành lập và cho đến hiện tại, Công ty chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông và người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- 12.2.** Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi, trái phiếu theo quy định của pháp luật.
- 12.3.** Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 12.4.** Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Cổ phiếu

13.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty được coi là hợp lệ khi cổ phiếu do chính Công ty phát hành, có ghi rõ, đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định ở Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Công ty.

13.2. Nguyên tắc chung về mua bán, chuyển nhượng cổ phần:

- Cổ phần của cổ đông nhà nước là cổ phần ghi danh hạn chế chuyển nhượng; khi chuyển nhượng phải áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Các cổ đông không phải nhà nước được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp.

13.3. Nếu cổ phiếu bị rách, mờ, hoặc bị mất thì cổ đông có thể xin đổi hoặc xin cấp lại cổ phiếu mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp, mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu mới do cổ đông chịu.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

14.1. Các cổ đông sau khi nộp tiền mua cổ phần của Công ty được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, được nhận cổ phiếu.

14.2. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

14.3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau :

- Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính Công ty.

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

14.4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.

14.5. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có tỷ lệ sở hữu đó. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 15. Chào bán cổ phần

15.1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn Điều lệ.

- Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

+ Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

+ Chào bán ra công chúng.

+ Chào bán cổ phần riêng lẻ

- Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn Điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

15.1.1 Chào bán cổ phần riêng lẻ

Việc chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty cổ phần không phải là Công ty cổ phần đại chúng được quy định như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với cơ quan đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có các tài liệu sau đây:

+ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;

+ Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có);

- Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;

+ Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;

+ Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;

- Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn Điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

15.1.2 Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần không phải là Công ty cổ phần đại chúng được thực hiện như sau:

+ Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

+ Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

+ Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

- Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

- Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

15.2. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi đã ghi đúng và đủ những thông tin theo quy định của pháp luật vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

15.3. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần phải tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Bán cổ phần

- Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường của cổ phần tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp :

- Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

- Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.

- Cổ phần chào bán cho người làm môi giới hoặc người làm bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần

17.1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp.

17.2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

17.3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

17.4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

17.5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

17.6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

17.7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 14.3 Điều 14 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

17.8. Việc chuyển nhượng cổ phần tạm ngưng trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Phát hành trái phiếu và mua cổ phần, trái phiếu

18.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

18.2. Nếu Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

18.3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 18.2 Điều này.

18.4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

18.5. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn Điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

18.6. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều 10 của Điều lệ này và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

19.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức tại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định trong Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.

Yêu cầu phải lập bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về vấn đề nói tại khoản này.

19.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 19.1 Điều này với giá thị trường, hoặc giá do Hội đồng quản trị quyết định, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

20.1. Việc mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty được thực hiện theo Điều 130 Luật Doanh Nghiệp trừ trường hợp có nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông không trái với quy định của pháp luật

20.2. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo qui định sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu Đại hội đồng cổ đông không có quyết định nào khác hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để

cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ghi trong thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

21.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19, Điều 20 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

21.2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19, Điều 20 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn Điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

21.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy số cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

21.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 22: Trả cổ tức

22.1. Cổ tức trả cho cổ đông căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

22.2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền hoặc bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp Công ty trả cổ tức bằng tiền, cổ đông có thể đến nhận cổ tức bằng tiền mặt tại trụ sở chính của Công ty hoặc có thể yêu cầu Công ty thanh toán bằng chuyển khoản, trả tiền qua bưu điện. Cổ đông phải thông báo đầy đủ chi tiết về ngân hàng, địa chỉ của mình để Công ty chuyển tiền bằng chuyển khoản hoặc chuyển tiền qua bưu điện. Nếu Công ty đã thực hiện thanh toán theo đúng các chi tiết như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các khoản thiệt hại phát sinh từ việc thanh toán đó.

22.3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

22.4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

22.5. Tùy theo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng quý hoặc 06 (sáu) tháng, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng mức cổ tức theo tỷ lệ phần trăm thích hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

22.6. Cổ đông đến nhận cổ tức sau thời hạn thông báo sẽ không được tính lãi.

22.7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn Điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 23. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 24. Cổ đông

24.1. Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

24.2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.

24.3. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Công ty:

- Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình

tại Công ty theo quy định của Điều lệ này. Việc ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Công ty không chịu trách nhiệm về tính xác thực và phù hợp của thông tin, nội dung giấy ủy quyền.

- Đối với cổ đông là tổ chức, việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền được thực hiện như sau:

+ Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

+ Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện

+ Trường hợp cử nhiều hơn 01 người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện; nếu không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện, số cổ phần sẽ được chia đều cho những người đại diện theo ủy quyền đó.

+ Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

* Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

* Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng với mỗi người đại diện theo ủy quyền;

* Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

* Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

* Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

+ Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

* Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

* Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

* Cổ đông là Công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn Điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

- Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Giấy ủy quyền phải ghi rõ những thông tin cần thiết về cá nhân cổ đông và người được ủy quyền; số cổ phần đang nắm giữ; nội dung ủy quyền; thời hạn ủy quyền và phải có đủ chữ ký của hai bên, được cơ quan/tổ chức có thẩm quyền xác nhận.

Điều 25. Quyền của cổ đông phổ thông

25.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau :

a. Tham dự hoặc ủy quyền đại diện tham dự và biểu quyết tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền đại diện phải được lập thành văn bản, mỗi văn bản chỉ có giá trị một lần. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức quy định theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến mình trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ; các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong điều 19 của Điều lệ này;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

25.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:

a. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều

hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

25.3. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 25.2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

26.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; giám sát và đóng góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty.

26.2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã cam kết mua, chịu trách nhiệm về số lỗ và các khoản nợ, các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần sở hữu.

26.3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

26.4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty.

26.5. Tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức đã được quy định tại Điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, cổ đông được xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình và mọi sự khiếu nại sẽ không được chấp nhận.

26.6. Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ này quy định.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Giám đốc/Tổng giám đốc.

I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Đại hội đồng cổ đông

28.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty.

28.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- c. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- j. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 29. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

29.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập hàng năm và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

- b.** Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - Báo cáo tài chính hàng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty/Tổng giám đốc Công ty;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Xem xét, quyết định việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc Công ty/Tổng giám đốc Công ty điều hành Công ty;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

29.2. Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 25.2 Điều 25 của Điều lệ này.
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

29.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 29.2 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

29.4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 29.3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

29.5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 29.4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 25.2 Điều 25 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

29.6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

29.7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 29.3, 29.4 và 29.5 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

30.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

30.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông

30.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 31. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

31.1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập và chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

31.2. Cổ đông và nhóm cổ đông được quy định tại khoản 25.2 điều 25 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ, tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

31.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 31.2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

31.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 31.2 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ

trường hợp quy định tại khoản 31.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

32.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

32.2. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

32.3. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và có thể đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Trường hợp đăng trên trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu được thực hiện bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Khi đó, địa chỉ và cách thức tải tài liệu sẽ được ghi trong thông báo mời họp và Công ty chỉ gửi tài liệu họp nếu được cổ đông yêu cầu.

Điều 33. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

33.1. Cổ đông có thể trực tiếp họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua một trong những hình thức quy định tại khoản 32.2 Điều này.

33.2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức đã chỉ định những người đại diện theo ủy quyền và một trong số đó ủy quyền lại cho nhau thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp đối với số cổ phần được ủy quyền lại;

c. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

33.3. Việc ủy quyền được thực hiện cho từng vụ việc. Người được ủy quyền phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 35.1 điều 35 Điều lệ này. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền đó và gửi văn bản thông báo đến

Công ty chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

33.4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng với điều kiện phải thông báo bằng văn bản có chữ ký của hai bên đến Công ty chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

34.1. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

34.2. Nếu triệu tập lần thứ nhất không đạt tỉ lệ trên thì triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và cuộc họp này được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

34.3. Nếu triệu tập lần thứ hai vẫn không đạt được tỷ lệ quy định thì triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và cuộc họp này được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần biểu quyết của các cổ đông dự họp.

34.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 32 Điều lệ này.

Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

35.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

35.2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa cử một người hoặc một số người làm thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

35.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.

35.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

35.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung

chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

35.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

35.7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền :

- Yêu cầu tất cả các người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

35.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau :

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

35.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 35.8 điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi kết thúc, tất cả các nghị quyết thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 36. Hình thức thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

36.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

36.2. Những vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b. Định hướng phát triển Công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể Công ty

Điều 37. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

37.1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ các trường hợp sau phải được 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận:

- Loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

37.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

37.3 Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

37.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

37.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 38. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

38.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

38.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng

cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

38.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

38.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

38.5. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

38.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

38.7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

39.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ

phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

39.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

39.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty khi xét thấy cần thiết. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 25.2 Điều 25 của Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 41.2 Điều 41 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 41. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

41.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

41.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

41.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 42. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm e khoản 28.2 Điều 28, khoản 49.1 và khoản 49.3 Điều 49 của Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác bao gồm: Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Tổng Quản lý, Phó Tổng Quản lý, Trưởng bộ phận kế toán Khách sạn, Chuyên gia nước ngoài; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 43. Nhiệm kỳ và số thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thể thức đa số phiếu. Việc bầu có thể tiến hành bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín.

Điều 44. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

44.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.
- d) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc Công ty/Tổng giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

44.2. Có trình độ đại học trở lên.

Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

45.1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 44 Điều lệ này
- b. Thành viên có gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị hoặc không đủ sức khỏe đảm đương công việc, nghỉ dưỡng bệnh liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng khó có khả năng phục hồi và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

d. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

45.2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thay thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

45.3. Nếu Hội đồng quản trị không còn đủ 2/3 số thành viên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày. Trong các trường hợp bị khuyết khác sẽ do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới.

Điều 46. Chủ tịch Hội đồng quản trị

46.1 Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một phó Chủ tịch (nếu cần). Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty trừ trường hợp Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

46.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một lá phiếu bầu.

46.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

46.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Bổ sung

46.5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc

thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 47. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

47.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

47.2.Hội đồng quản Trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

47.3. Các cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết. nhưng ít nhất mỗi quý họp một lần.

47.4 Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Giám đốc Công ty/Tổng giám đốc Công ty hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- b) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng q.trị;
- c) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 45.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

47.5. Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị 03 (ba) ngày làm việc trước khi tổ chức

Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian, địa điểm và kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

47.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc/Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc/Tổng Giám đốc có quyền dự họp, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

47.7. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo qui định thì được triệu tập lần hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp

47.8. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên có mặt trên 50% chấp thuận. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

47.9 Biên bản cuộc họp: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

j. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

k. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung

Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

48.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc/Tổng Giám đốc, Phó

Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

48.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 49. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

49.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Những người quản lý Công ty;
- Doanh nghiệp quy định tại khoản 61.1 Điều 61 Điều lệ này và những người có liên quan của những người quản lý Công ty.

49.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất theo quy chế tài chính của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành

49.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 49.2 điều 49 Điều lệ này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này cổ đông có liên quan không được quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết đồng ý.

49.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 49.2 và 49.3 Điều 49 Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. Ban kiểm soát

50.1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, trúng cử hoặc bị bãi miễn với đa số phiếu tại Đại hội đồng cổ đông bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

50.2. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban; quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

50.3. Trong nhiệm kỳ nếu khuyết Kiểm soát viên thì Hội đồng quản trị chỉ định tạm thời một cổ đông làm Kiểm soát viên thay thế và Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung cho đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

50.4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

50.5. Tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm; Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được nhận thù lao theo mức không quá 10% tổng số cổ tức được chia. Mức cụ thể từng năm do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

50.6. Thù lao và các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

51.1. Từ 21 tuổi trở lên, có phẩm chất đạo đức tốt, và sức khỏe tốt, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

51.2. Có văn bằng đại học trở lên, am hiểu pháp luật.

51.3. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

51.4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý khác.

51.5. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 52. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên, Ban kiểm soát

52.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này;

b. Kiểm soát viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng và không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát hoặc không đủ sức khỏe đảm đương công việc, nghỉ dưỡng bệnh liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng khó có khả năng phục hồi và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;

c. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận.

52.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

52.3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

53.1. Ban kiểm soát và Kiểm soát viên sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165, 166, 168 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty/Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b. Kiểm tra kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị và các quy định trong Điều lệ Công ty;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 25.2 Điều 25 của Điều lệ này;

e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 25.2 Điều 25 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

h. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

i. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên muốn bàn bạc;

j. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty/Tổng giám đốc Công ty vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

l. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

m. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

53.2. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 54. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

54.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

54.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

54.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

54.4. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 54.1, 54.2, 54.3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

54.5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 55. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

55.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

55.2. Báo cáo của Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do Công ty phát hành cũng được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

55.3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người

quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

55.4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

IV. GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 56. Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty

56.1. Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, thay mặt Công ty ký kết tiến hành các giao dịch dân sự, pháp luật với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác.

56.2. Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.

56.3. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty từ một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.

56.4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ đại học, trình độ chuyên môn, khả năng quản lý, đảm bảo sức khỏe, kinh nghiệm thực tế phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

c. Giám đốc/Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện

56.5. Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc Công ty/Phó tổng Giám đốc Công ty có thể bị cách chức hoặc bãi miễn trong các trường hợp:

- Từ chức bằng văn bản và được Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận.

- Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông.

- Xét thấy không đủ năng lực, sức khỏe để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

56.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty;

g. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty. các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị;

h. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty để trình Hội đồng quản trị;

i. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp chính đáng và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, nhưng phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để quyết định tiếp;

j. Được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật trái qui định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản;

k. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm chủ động hoặc tham gia xây dựng, bổ sung các quy chế quản lý của Công ty nhằm đảm bảo công tác quản lý điều hành và hoạt động của Công ty có hiệu quả;

l. Được quyền tuyển dụng, điều chuyển, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty theo Luật lao động và quy chế quản lý của Công ty;

m. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty hoặc những biến động lớn trong Công ty;

n. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị ủy nhiệm.

Điều 57. Bộ máy điều hành Công ty

Bộ máy điều hành Công ty gồm có :

57.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty để điều hành Công ty; Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty giới thiệu các Phó Giám đốc Công ty/Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Thành viên Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm các chức danh quản lý Công ty.

57.2. Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty/Tổng giám đốc Công ty không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

57.3. Giúp cho Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty có các Phó Giám đốc Công ty/Phó Tổng Giám đốc Công ty điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của

Công ty. Các Phó Giám đốc Công ty/Phó Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty và trước Pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm

57.4. Các Giám đốc, Phó Giám đốc chuyên môn hoặc trưởng, phó phòng ban nghiệp vụ; Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận hoặc các đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành Công ty.

57.5. Việc bổ nhiệm, cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty/Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng phải được sự nhất trí của 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.

57.6. Lương, phụ cấp lương của Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty/Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty đã được Hội đồng quản trị quyết định.

57.7. Nếu Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì chế độ làm việc căn cứ theo hợp đồng lao động.

Điều 58. Từ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty.

58.1. Khi Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty muốn từ nhiệm phải có đơn gửi cho Hội đồng quản trị.

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

58.2. Khi Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhận công việc Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty mới.

Điều 59. Ủy nhiệm, ủy quyền

59.1. Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Giám đốc Công ty/Phó tổng Giám đốc Công ty hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm về việc ủy nhiệm, ủy quyền của mình.

59.2. Người được Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

59.3. Mọi sự ủy nhiệm, ủy quyền liên quan đến con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 60. Công khai thông tin về Công ty cổ phần

60.1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

60.2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các

cổ đông.

Điều 61. Công khai thông tin các lợi ích liên quan của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý

61.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

61.2. Việc kê khai phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

61.3. Việc kê khai cũng phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, QUỸ DỰ TRỮ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 62. Năm tài chính, hệ thống kế toán và báo cáo tài chính của Công ty

62.1. Năm tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào, cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

62.2 . Hệ thống kế toán

- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS). Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

62.3 Báo cáo tài chính

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền; Trường hợp có Công ty con thì phải gửi kèm theo bản sao có công chứng báo cáo tài chính cùng năm của Công ty con.

- Các báo cáo tài chính này được trình bày tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau đại hội đồng cổ đông, các báo cáo cùng với biên bản họp đại hội được lưu tại trụ sở của Công ty trong vòng 10 năm liền.

Điều 63. Trích lập quỹ và phân chia lợi nhuận

1. Lợi nhuận thực hiện của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí hợp lý, các khoản thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước theo luật định.

2. Cuối mỗi niên độ, lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, với trình tự:

- a) Bù lỗ cho niên độ trước (nếu có);
- b) Trích lập quỹ phát triển sản xuất, quỹ khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và các qui định pháp luật hiện hành.
- c) Ngoài các quỹ trên, căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm, có thể sẽ trích một phần lợi nhuận để bổ sung vào vốn;
- d) Số lợi nhuận còn lại sẽ chia cổ tức cho các cổ đông.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ PHÁ SẢN

Điều 64. Tổ chức lại

64.1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức sau:

- Chấm dứt tồn tại Công ty để tách thành các Công ty mới cùng loại hoặc có một phần chức năng hoạt động.
- Công ty chuyển một phần tài sản vốn và nợ để thành lập một hay một số Công ty mới cùng loại hay có một phần chức năng hoạt động.
- Công ty chấm dứt sự tồn tại để hợp nhất với một hoặc một số Công ty khác hình thành một Công ty mới.
- Công ty chấm dứt sự tồn tại để sáp nhập vào một Công ty khác hoặc tiếp tục tồn tại nhưng đặt dưới sự tiếp nhận của Công ty khác.
- Chuyển đổi hình thức Công ty cổ phần sang hình thức doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp.

64.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 65. Giải thể

65.1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Công ty không còn đủ thành viên tối thiểu theo qui định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

65.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

65.3. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 66. Giải quyết tranh chấp

66.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác, quy định hành chính khác quy định, giữa:

- Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc/Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

66.2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.

66.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 67. Phá sản

Việc phá sản được thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 68. Con dấu

68.1. Con dấu Công ty là con dấu hình tròn, thể hiện những nội dung sau:

- a) Tên Công ty: Công ty C.P DU LỊCH LONG PHÚ
- b) Mã số doanh nghiệp: 4200451896

68.2. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

68.3. Tất cả văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty/Phó Tổng Giám đốc Công ty hoặc các viên chức quản lý Công ty được Giám đốc ủy quyền. Chữ ký các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.

Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

69.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

69.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến những hoạt

động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 70. Hiệu lực của Điều lệ

70.1. Bản Điều lệ này gồm 7 Chương 70 Điều, được Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Du lịch Long Phú nhất trí thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2015 tại Nha Trang và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn và thay thế cho Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch Long Phú được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/12/2006.

70.2. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này là duy nhất và chính thức của Công ty, do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành theo ủy nhiệm của Đại hội đồng cổ đông.

70.3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty.

70.4. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc Công ty/Tổng Giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý và toàn thể người lao động trong Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.

Nha Trang, ngày 28 tháng 10 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(đã ký)

Nguyễn Thị Tường Anh